

**VẤN ĐỀ “VĂN LÀ NGƯỜI”
TRONG QUAN NIỆM VĂN HỌC TRUNG ĐẠI VIỆT NAM**

Đặng Văn Vũ

Trường Đại học Sài Gòn, Hồ Chí Minh, Việt Nam.

*Tác giả liên hệ: Đặng Văn Vũ, e-mail: dvvu@sgu.edu.vn

Ngày nhận bài: 23/1/2026. Ngày sửa bài: 27/3/2026. Ngày nhận đăng: 6/4/2026.

Tóm tắt. Vai trò, vị trí của văn học đối với đời sống con người luôn được quan tâm từ xưa đến nay. Xác định điều đó cũng có nghĩa là xác định sự tồn tại của văn học trong xã hội. Nếu như ngày nay người ta hay đề cập đến “văn học là nhân học”, thì người xưa bàn luận khá nhiều về “văn là người”. Vấn đề này được quan tâm từ rất sớm, cả ở phương Đông lẫn phương Tây. Ở Việt Nam, do đặc trưng văn hoá - lịch sử cũng như điều kiện kinh tế - xã hội, đối với văn nhân trung đại, văn học là cơ sở quan trọng bậc nhất để thể hiện bản sắc con người của mình. Sự thể hiện ấy, một mặt nó bộc lộ nhân vị, mặt khác, nó tạo nên phong cách nhà văn. Mở rộng hơn, “văn là người” còn có ý nghĩa văn học vì con người, làm nhân đạo hóa con người. Sử dụng phương pháp văn hoá - xã hội, so sánh và thao tác phân tích - tổng hợp, bài viết làm nổi rõ vấn đề “văn là người” thời trung đại trong cái nhìn tham chiếu với quan niệm hiện đại.

Từ khóa: văn là người, trung đại, bản sắc, phong cách, nhân văn.

**“LITERATURE AS THE EXPRESSION OF THE SELF”
IN THE CONCEPTION OF MEDIEVAL VIETNAMESE LITERATURE**

Dang Van Vu

Saigon University, Ho Chi Minh, Vietnam.

*Corresponding author Dang Van Vu, e-mail: dvvu@sgu.edu.vn

Received January 23, 2026. Revised March 27, 2026. Accepted April 4, 2026

Abstract. The role and position of literature in human life has always been a matter of concern throughout history. To define this is also to define the very existence of literature in society. While today much attention is paid to the notion of “literature as a form of human inquiry,” earlier thinkers extensively discussed the idea of “literature as an expression of the self.” This issue has attracted attention since very early times, both in the East and the West. In Vietnam, due to specific cultural and historical conditions as well as socio-economic circumstances, medieval writers regarded literature first and foremost as the most fundamental means of expressing their human identity. Such expression, on the one hand, revealed their personhood, and on the other, contributed to the formation of individual literary style. More broadly, the notion of “literature as man” also implies literature for humanity, serving to humanize function. Employing socio-cultural approaches, comparative methods, and analytical and synthetic methods, this article clarifies how the concept of “literature as man” operates in the medieval period, viewed in reference to modern perspectives.

Keywords: literature as the self, medieval Vietnamese literature, identity, literary style, humanism.

1. Mở đầu

Trong hành trình đi tìm bản thể, nhân vị; con người đã sáng tạo ra triết học và văn học, cùng nhiều hình thái ý thức khác. Nếu triết học có xu hướng đi vào bản thể luận, thì văn học chủ yếu hướng về vấn đề nhân vị. Điều đó được thấy rõ trong tác phẩm văn học từ xưa đến nay. So với văn học hiện đại, vấn đề nhân vị trong văn học trung đại còn mờ hơn. Tuy nhiên, sự thể hiện bản sắc con người và sự quan tâm đến tha nhân thuộc về bản chất Người. Bởi vậy, ngay từ thời trung đại, các văn nhân đã khẳng định “Văn là Người” với ý nghĩa văn học thể hiện bản sắc nhà văn, văn học luôn hướng đến con người.

Ở Việt Nam hiện nay, khi đề cập đến vấn đề mối quan hệ giữa văn học và con người, hoặc nhấn mạnh đến chức năng của văn học, người khảo cứu hay dẫn câu nói “Văn học là nhân học” (được cho là của M. Gorki, nhưng hầu như những trích dẫn đều không có chú nguồn). Trong khoảng trống “chú nguồn” ấy, chúng ta ngược về quá khứ để tìm hiểu người xưa đã thể hiện quan niệm “văn là người” như thế nào, để từ đó chúng ta có cơ sở vững vàng hơn trong việc xác định vấn đề trong mối quan hệ lí luận cổ - kim, đông - tây.

Nghiên cứu mối quan hệ giữa văn học với con người trong văn học trung đại chỉ thực sự được quan tâm từ cuối thế kỉ XX. Công trình công phu nhất là cuốn *Về con người cá nhân trong văn học cổ Việt Nam* (cuốn sách tập hợp bài viết của các tác giả Nguyễn Hữu Sơn, Trần Đình Sử, Huyền Giang, Trần Ngọc Vương, Trần Nho Thìn, Đoàn Thị Thu Vân), các bài viết chủ yếu tập trung ở việc văn học phản ánh số phận con người chứ ít nói về văn học thể hiện con người tác giả (Nguyễn, Trần, Huyền, và nnk, 1997). Tác giả Trần Đình Sử trong sách *Thi pháp văn học trung đại* có mục “Kiểu tác giả và ý thức cá tính” tập trung bàn về kiểu tác giả và cái riêng của các kiểu chứ không nói về “văn sao người ấy, người sao văn ấy” (Trần, 2005). Trong sách *Góp phần xác lập hệ thống quan niệm văn học*, tác giả Phương Lựu có tập hợp một số ý kiến về “văn là người” của các văn nhân trung đại, và có sự phân tích nhưng chỉ ở mức sơ lược (Phương, 2002). Sách *10 thế kỉ bàn luận văn chương* của nhóm tác giả Phan Trọng Thuồng, Nguyễn Cừ, Vũ Thanh, Trần Nho Thìn cũng làm tương tự, chỉ khác ở chỗ là có bình luận ngắn ở một số bài viết có thể hiện ý kiến “văn là người” (Phan, Nguyễn & Vũ, 2007).

Tác giả Nguyễn Thanh Tùng có bài viết: “Thi ngôn chí” và truyền thống văn học nghệ thuật Đông Á” khảo sát vấn đề dùng thơ để thể hiện chí khí trong văn học Đông Á, chủ yếu là trong văn học Trung Quốc. Tác giả cho rằng “thi ngôn chí” không chỉ là “cương lĩnh khai sơn”, “chuẩn tắc”, quan niệm này còn là “nền tảng”, “chủ lưu” có ảnh hưởng to lớn, tạo nên, đồng thời phản ánh truyền thống lí luận văn học nghệ thuật Trung Quốc (và các nước lân cận, trong đó có Việt Nam) (Nguyễn, 2020). Trong bài viết “Một số biểu tượng nghệ thuật thể hiện tư tưởng thị tài trong thơ - phú trung đại Việt Nam”, tác giả Tạ Thu Thủy đã khảo sát hai nhóm biểu tượng thể hiện tài năng cũng như phẩm chất của người sáng tác. Tác giả kết luận: “Mỗi một nội dung thị tài lại có một hệ thống biểu tượng riêng. Và qua hệ thống biểu tượng, người đọc dễ dàng nhận ra phong cách của tác giả” (Tạ, 2020). Không nói trực tiếp “ngôn chí”, “thị tài” nhưng bài viết “Tu tưởng hành đạo trong thơ chữ Hán của Đoàn Nguyễn Tuấn” của Lê Văn Tấn đã chỉ ra “bức chân dung tinh thần” của Đoàn Nguyễn Tuấn thông qua thơ của ông (Lê, 2020). Lê Sỹ Đồng trong bài viết “Ảnh hưởng nhân sinh quan Phật giáo trong sáng tác thơ chữ Hán của các nhà Nho Việt Nam thế kỉ XVIII đến đầu thế kỉ XIX” đã khai thác ảnh hưởng của nhân sinh quan Phật giáo đến diện mạo con người/ phong cách sống của các tác giả thể hiện qua thơ chữ Hán (Lê, 2023) v.v... Nhìn chung, các bài viết chỉ đề cập đến một số phương diện làm nên phong cách văn chương, chưa thấy công trình nào tập trung khảo sát vấn đề “văn là người”. Từ cơ sở những nghiên cứu trước, để tránh trùng lặp, chúng tôi sắp xếp vấn đề thành hệ thống và khảo sát trong cái nhìn tham chiếu với các quan niệm của lí luận cả phương Đông lẫn phương Tây, cả thời trung đại và hiện đại, để thấy được tính phổ quát của các quan niệm trong văn chương trung đại Việt Nam. Từ đó, bài viết có thể góp phần soi chiếu vào giảng dạy, nghiên cứu văn học trung đại cũng như lí luận văn học về phong cách nhà văn cũng như hình tượng tác giả.

2. Khái quát về vấn đề *văn là người*

Khi con người ý thức được nhân vị của mình cũng là lúc họ luôn mong muốn người khác chú ý đến mình. Nhu cầu khẳng định bản thân luôn thôi thúc mỗi cá nhân. Sự thôi thúc ấy khiến người ta nỗ lực để được nổi trội trong đám đông, để được người khác tôn trọng... Sự nỗ lực của mỗi cá nhân là động lực cho sự phát triển của xã hội. Và mọi sự cố gắng sẽ là con số không to tướng nếu cá nhân ấy không để lại dấu ấn, bản sắc trong sản phẩm sáng tạo của mình. Nếu trong khoa học tự nhiên có phần khó thể hiện bản sắc cá nhân, thì trong khoa học xã hội, nhất là lĩnh vực văn chương, người sáng tạo sẽ để lại dấu ấn cá nhân đậm nét trên trang giấy. Điều đó dẫn đến trong lí luận văn học từ cổ chí kim, từ Đông sang Tây đều đề cập đến vấn đề này.

Trước tiên, mệnh đề “Văn là người” được hiểu ở phương diện: tác phẩm văn học thể hiện cá tính, nhân cách, tư tưởng chính trị, triết học, thẩm mỹ... của nhà văn. Nếu như các lí thuyết nghiên cứu văn học từ ngôn ngữ học tuyên xưng “cái chết của tác giả”, nghĩa là tác giả hay người viết chỉ làm công việc viết lại những gì đã có từ trước chứ không thể dùng văn bản để diễn tả chính nội tâm hay bản ngã của mình, những gì được viết ra bởi tác giả là sự sắp xếp phối trí lại những gì đã hiện diện trong thế giới ngôn ngữ và văn hoá xuất hiện trước đó. Tuy nhiên, các lí thuyết như tiểu sử học, xã hội học, văn hóa học, phân tâm học... lại rất quan tâm đến con người tác giả, xem tác giả là một cơ sở rất quan trọng để tìm hiểu tác phẩm. Trong sự đa dạng của lí thuyết văn chương thời hiện đại, chúng ta cần có cái nhìn tổng hòa, và vận dụng nó một cách hợp lí trong nghiên cứu văn học.

Trong hoạt động sáng tạo, bất cứ một sản phẩm vật chất nào cũng mang bóng dáng của người làm ra nó, hướng hồ chỉ là một sản phẩm tinh thần như văn chương. Ngôn ngữ là kết quả của tư duy, hay ngôn ngữ làm nên tư duy? Vấn đề này không đơn giản để kết luận. Nhưng trong cái nhìn biện chứng, ngôn ngữ thể hiện khá rõ *nhân cách*, dù có được che đậy đến đâu. Ngôn ngữ là chất liệu của văn chương. Vậy, “đằng sau tác phẩm là một con người” (Thụy, 2018). Trong lí luận văn học cổ Trung Quốc có mệnh đề “Văn như kỳ nhân” (Văn giống như người viết ra văn). Lưu Hiệp - nhà lí luận văn học nổi bật của Trung Quốc, có nói: “Tài năng của nhà văn có hơn kém khác nhau, khí chất có cứng mềm khác nhau, học vấn có nông sâu khác nhau, thói quen có thô nhả khác nhau, điều đó do tính tình khác nhau mà tạo thành, đều do hoàn cảnh tôi luyện mà cảm nhiễm. Do vậy mà văn chương của mỗi người khác nhau như mây trời biến hoá, bút pháp của mỗi người đa dạng thay đổi tựa sóng xô. Chính vì thế mà văn chương hơn kém nhau đều nhất nhất gắn liền với tài năng của tác giả, phong cách mềm cứng của mỗi người không thể tách rời với tác giả... Mỗi người (khi sáng tác) đều viết theo tâm tính của mình (tạo thành những phong cách) khác nhau như từng khuôn mặt vậy” (Khâu, 2001). Lời nói và lời văn đều là diễn ngôn của chủ thể, và nó thể hiện bản chất của chủ thể phát ngôn. Điều này được nhà nghiên cứu Trần Nho Thìn diễn giải rõ hơn: “Sáng tác văn chương là một dạng hoạt động mang tính chất chủ quan cao độ. Thực tại được phản ánh qua cái nhìn chủ quan của tác giả. Trí tưởng tượng, năng lực hư cấu, sự lựa chọn đề tài, chủ đề, sự vận dụng các thủ pháp nghệ thuật, cách sử dụng ngôn từ v.v... Tất cả đều đợm màu sắc chủ quan. Nói chung, có thể gọi dấu ấn của chủ thể sáng tạo để lại trong tác phẩm là cái chủ quan. Cái chủ quan này bộc lộ mọi nơi, mọi lúc trong tác phẩm, trên mọi cấp độ của quá trình sáng tác” (Nguyễn, Trần, Huyền & nnk, 1997). Như vậy, mọi thực thể của sáng tạo văn chương đều in dấu cái riêng thuộc thế giới tinh thần của tác giả. Điều này là cơ sở để hình thành phương pháp Tiểu sử học trong nghiên cứu - phê bình văn học. Về tầm quan trọng của phương pháp này, R. Wellek và A. Warren có nói: “*Nguyên nhân* rõ rệt nhất của một tác phẩm nghệ thuật là ở người sáng tạo ra nó, tác giả của nó; bởi vậy, phương pháp nghiên cứu văn học cổ nhất và tốt nhất xuất phát từ việc xác định tính cách và tiểu sử của nhà văn” (Wellek & A. Warren, 2009). Vẫn biết rằng, *tính cách và tiểu sử của nhà văn* không phải chỉ phối tất cả đến sáng tác; nhưng nó là một phương diện quan trọng trong việc giải mã nghệ thuật.

Văn chương là một hoạt động tinh thần nên thể hiện được toàn bộ phẩm chất, khí tiết... của con người. Thơ văn là lời nói được chưng cất một cách kỹ lưỡng từ ngôn ngữ đời sống qua bộ lọc

của tư duy nhà văn. Bộ lọc ấy không chỉ đơn thuần là ý thức, nó còn có sự tham gia của nhiều yếu tố khác nữa, nói chung là toàn bộ nhân cách nhà văn. Bởi vậy, từ thế kỉ XVIII, ở phương Tây, G. L. Buffon tuyên bố: “*Le style, c’est l’homme même*” (Văn tức là người) (Thụy, 2018). Ở Trung Quốc, nhà thơ Viên Mai (1716- 1798) cũng cho rằng “Tác thi, bất khả dĩ vô ngã”, “Làm người thì không nên có cái tôi, có cái tôi thì hay mắc bệnh kiêu căng cậy tài. Nhưng làm thơ thì không thể không có cái tôi. Không có cái tôi thì dễ mắc bệnh cộp nhặt, phô diễn” (Khâu, 2001) (ở về “làm người”, Viên Mai chịu ảnh hưởng của tinh thần Khổng Tử, ngày nay điều đó khó chấp nhận - ĐVV). Như vậy, từ thời trung đại đến thời hiện đại, dù ở phương Đông hay phương Tây, người ta đã ý thức rất rõ ràng vấn đề văn và người, văn tức là người. Còn ở Việt Nam thì người xưa nói về vấn đề này như thế nào?

3. Văn là người trong quan niệm của văn nhân trung đại Việt Nam

Trong giới nghiên cứu văn học trung đại Việt Nam có hai quan niệm chính. Một khuynh hướng cho rằng văn học trung đại là phi ngã. Khuynh hướng khác thì khẳng định ngược lại, văn học trung đại là hữu ngã. Thật ra, văn học thời kỳ này có một dòng nhỏ che dấu bản ngã, né tránh cái tôi; nhưng dòng lớn vẫn là sự cất tiếng của bản sắc cá nhân của tác giả và hướng đến số phận con người. Đó là căn nguyên của quan niệm “văn là người”.

Về vấn đề “văn là người”, văn nhân thời trung đại đề cập từ rất sớm. Ở một nền văn hóa mà cái “tôi” luôn nhường chỗ cho cái “ta”, con người ít có điều kiện thể hiện nhân vị của mình; thì văn chương là mảnh đất màu mỡ để họ cấy trồng bản ngã như là một sự khẳng định tồn tại của bản thân trước tha nhân. Ở một phương diện khác, mọi hành vi của con người đều mang theo đặc điểm phẩm chất, tính cách, tâm hồn, tư tưởng... của người ấy. Trong bài tựa cho tập thơ nói về nỗi nhớ thương vợ dang dở của Nguyễn Kỳ Trai, Phạm Nguyễn Du viết: “Ông (Nguyễn Kỳ Trai)... khắc máu làm câu, xé lòng làm chữ. Đọc thơ như thấy ông khóc gào nức nở, vỗ ngực dậm chân; như thấy ông đang cười nói miên man, ôn tồn âu yếm; như thấy ông đang ghen ngào rên rỉ, cảm thán bồi hồi; như thấy ông đang trải qua cái ngày gương vỡ phần thừa mà rơi lệ, đang đứng trước cái lúc con côi vợ goá mà đau lòng” (Phan, Nguyễn, Vũ và Trần, 2007). Qua sự tri nhận của Phạm Nguyễn Du về tập thơ, ta thấy, với sức biểu hiện tế vi, độc đáo của nghệ thuật ngôn từ, người đọc cảm nhận được hầu như tất cả tinh thần, tình cảm của người viết nên tập thơ.

Có nhiều người cho rằng, văn nhân trung đại ít thể hiện được bản sắc con người mình trong tác phẩm, họ xem nhà văn sáng tác không khác gì đánh cờ, như B. L. Riptin - nhà nghiên cứu văn học trung đại Việt Nam, người Nga - trong bài viết *Phương pháp trong văn học trung đại phương Đông* nhận xét: “... biết trước kết cục của ván cờ nổi tiếng rồi nhà văn trung đại vẫn muốn tự mình chơi lại ván cờ ấy” (Trần, 2005). Ý kiến này có lẽ xuất phát từ thi pháp sáng tác là “làm tác phẩm nhiều hơn là sáng tạo nó như nghệ sĩ hiện đại. Khuôn mẫu có sẵn, chất liệu có sẵn, tác giả chỉ việc sắp xếp, lựa chọn, tía tốt, sao cho thật khéo léo, tinh xảo, mới lạ. Do đó họ thích vay mượn, tập cổ, điển dụng mà ít sáng tạo hình thức mới. Việc nhuận sắc cho nhau theo ý riêng, tùy hứng, nhiều khi làm nhòa bản sắc tác giả” (Trần, 2005). Thực ra, đây chỉ là một khuynh hướng tiếp cận văn học trung đại mà thôi. Điều này không phải là không có cơ sở, nhưng thực sự có hoàn toàn như vậy không?

Xem xét những phát biểu trực tiếp hay thể hiện ra tác phẩm, văn nhân trung đại khẳng định văn chương phản chiếu phẩm chất của người làm ra nó. Nên ngoài “tập cổ”, họ luôn cố gắng làm cho câu chữ có *thần*. Nhữ Bá Sĩ viết:

*Có tác dạ ước thành cây bút lớn
Nên hạ bút vẫn chờ mong có thần
Muốn được bông hoa của ngàn cây
Hương thơm ngạt ngào đi vào giấc mộng*

...

*Ra hùng quân nơi trận địa văn chương
Không dám làm lỡ nó thành con nhặng
Vẽ khéo để phình nịnh bọn mua vui.* (Trần, 2005).

Sáng tác ai mà chẳng mong để lại tên tuổi cho đời. Mà muốn lưu danh thì khi đặt bút phải làm sao cho nó có “thần”, tức là câu văn, bài văn phải có hồn, có được điều gì mới mẻ. Có được như thế thì tác phẩm mới toả được “hương thơm của ngàn cây”. Đây là một khao khát xuất phát từ việc khẳng định bản sắc cá nhân trong sáng tác.

Rất nhiều nhà văn trung đại cũng khẳng định văn chương chính là nơi thể hiện con người tác giả. Trong lời *Viết trang cuối tập thơ Rừng chuối*, Cao Bá Quát nói: “Thơ không có phẩm chất nhất định. Phẩm chất của người là phẩm chất của thơ. Phẩm chất của người cao thì phẩm chất của thơ cao... Xem người thì có thể biết thơ” (Phuong, 2002). “Phẩm chất” là cái làm nên giá trị của người hay sự vật, với người, nó là phẩm hạnh, đạo đức, trí tuệ, tài năng, khí tiết. Thơ là sản phẩm tinh thần của người làm ra nó, nên nó là sự biểu hiện ra câu chữ đặc điểm của người ấy. Điều này cũng được lí luận hiện đại đề cập đến, nhưng được khám phá ở mức sâu và toàn diện hơn. Theo phương pháp *vòng bác ngữ* của Leo Spitzer - nhà phê bình văn học người Đức nửa đầu thế kỉ XX - muốn hiểu tác phẩm là phải đi từ ngôn ngữ để truy về con người tác giả, rồi từ những hiểu biết về con người tác giả quay lại “truy vấn” ngôn ngữ để xác tín nó rồi mới có kết luận chính xác. Theo Spitzer, “phải đi từ cách dùng chữ của nhà văn, để tìm đến nguyên khởi tâm lí, đến nguồn cội tâm thần của nhà văn, và chính cái nguồn cội tâm lí tâm thần ấy, phát sinh ra nguồn cảm hứng ngôn ngữ và văn chương của nhà văn” (Lê, 2020). Trở lại với câu nói của Cao Bá Quát, ông khẳng định *phẩm chất của người là phẩm chất của thơ*, thực tế thơ của chính tác giả chứng minh điều đó. Người có phẩm chất xấu thì khó tạo ra tác phẩm đẹp, nếu họ có kiến thức, nắm vững kỹ thuật thì có thể viết ra những câu chữ đẹp đẽ về hình thức nhưng nội dung không thể che giấu được sự tầm thường mà người đọc không khó để nhận ra. *Xem người thì có thể biết thơ, tức xem thơ thì có thể biết người*. Vậy, câu nói của Cao Bá Quát có sự gặp gỡ với câu nói của G.L. Buffon.

Quan niệm thời trung đại là “thi ngôn chí”, thơ văn phải thể hiện cho được ý chí, tư tưởng, hoài bão của con người, nói chung là lĩnh vực của ý thức. Vậy, sự thể hiện chí cho thấy được nhân cách, cá tính, tầm vóc của cá nhân...; và điều này bộc lộ rõ qua văn chương. Trong bài tựa tập thơ *Ngôn chí* của mình, Phùng Khắc Khoan viết: “Chí mà ở đạo đức thì tất là phát ra lời lẽ hồn hậu, chí mà ở sự nghiệp thì phát ra khí phách hào hùng, chí ở rừng suối gò hang thì thích giọng thơ liêu tịch, chí ở gió mây trăng tuyết thì thích vẻ thơ thanh cao, chí ở nổi uất ức thì làm ra thơ ưu tư, chí ở niềm cảm thương thì làm ra điệu thơ ai oán” (Nguyễn, 1981). Chữ “chí” mà Phùng Khắc Khoan nói ở đây có sức khái quát và bao quát các phương diện cả ý thức lẫn cảm xúc. Chí ở “nổi uất ức, niềm thương cảm” thì cái uất ức, thương cảm ấy tạo nên chí, chi phối chí. Điều này cũng được nhà nghiên cứu Trần Đình Hượu, dựa vào *Nhạc ký* (một thiên trong Kinh Lễ do Khổng Tử hiệu đính), đề khái quát: “Chí là do tâm chi phối, có thể do phần tính, phần Đạo mà cũng có thể do phần tình, phần dục chi phối” (Trần, 1999). Và cái “chí” ấy của tác giả làm nên phong cách văn chương. Nói cách khác, văn chương là nơi thể hiện bản sắc “chí” của mỗi người. Đó là lí do mà tác giả trung đại, dù sáng tác theo qui chuẩn “văn dĩ tải đạo”, “thi dĩ ngôn chí” hay vượt thoát “công thức” thì vẫn tạo nên được phong cách: “Thơ Nguyễn Trãi khác thơ Lê Thánh Tông, khác thơ Nguyễn Bỉnh Khiêm. Thơ đời sau thì Nguyễn Du khác Ngô Thì Nhậm, Hồ Xuân Hương khác Nguyễn Công Trứ, Nguyễn Khuyến khác với Tú Xương...” (Trần, 2005). Cũng từ tinh thần “chí” trong *Nhạc ký* mà Nhữ Bá Sĩ trong *Đạm Trai thi khoá* khẳng định: “Nói chung, thơ là để nói chí, nhưng nhưng biểu hiện ở cái tình, nó là cái tình anh của trời đất, cái bì phủ của thanh hoa, và cái tình điệu riêng của mọi người, ai nấy đều có thể nói ra. Đến cái tốt cùng như sắc tướng trong hư không, như ánh trăng dưới nước, bóng hoa trong gương, trừ khi con người gột tình ngưng khí, tâm mất mệnh mộng, phong tư trầm tĩnh, đưa tinh thần ngoài tám cõi, thả tâm chí lên muôn tâm, mới có thể với kịp” (Phan, Nguyễn, Vũ và Trần, 2007). Ý trên của Nhữ Bá Sĩ thể hiện rõ sự

hoà quyện giữa chí và tình, chí biểu hiện ở tình. Khi có đủ chí - tình thì thể hiện ra lời thơ lời văn. Vậy, thơ văn là tấm gương phản chiếu con người tác giả.

Cái chí, cái phẩm chất của bản thân là phần quan trọng để làm nên “văn cách”, bên cạnh đó phải kể cả sở trường, sở thích của cá nhân ấy nữa; ngày nay chúng ta gọi là cái “gu” thẩm mỹ. Trong *Nói về thể lệ biên soạn tập “Toàn Việt thi lục”*, Lê Quý Đôn có nhận xét: “Các nhà thơ đều có sở trường riêng. Người đài các thị tụng thì thơ êm dịu dồi dào, kẻ ở nơi quân thành biên thú thì thơ hoang lạnh mà hào tráng... Nhà thơ ưa cảnh vật các mùa thì thơ phải có giọng thanh cao tươi đẹp, ưa rừng núi ẩn dật thì thơ phải có thú nhàn rỗi, phóng khoáng” (Phan, Nguyễn, Vũ và Trần, 2007). Xác nhận sự chi phối của yếu tố bên trong, người xưa cũng thừa nhận sự ảnh hưởng của yếu tố bên ngoài. Điều này là một sự thật hiển nhiên, dù người xưa chưa có được những lí thuyết về nhân học văn hoá hay tâm lí học phân tích, nhưng họ khác quát từ thực tế bản thân và những người xung quanh để khẳng định con người luôn chịu sự ảnh hưởng của môi trường tự nhiên và xã hội. Cái sự “ưa cảnh vật, ưa ẩn dật” đó khởi phát từ gen sinh học, để rồi thực tế trải nghiệm tác động và “gen văn hoá” chi phối nhân sinh quan và thế giới quan. Cho nên, nhân cách, đạo đức con người được hình thành từ nhiều yếu tố, trong đó có từ bản chất mỗi người và sự tác động của xã hội. *Ưa cảnh vật các mùa*, tức là thích ngao du sơn thủy, và từ sự cảm nhận các mùa ấy sẽ góp phần hình thành giọng thơ thanh cao. Sự thanh cao đến từ sự thanh sạch của thiên nhiên. Bài thơ *Đề Yên Tử sơn* của chính tác giả là một ví dụ:

*Yên sơn sơn thượng tối cao phong,
Tài ngũ canh sơ nhật dĩ hồng.
Diểu vọng mục cùng thương hải ngoại,
Tiểu đàm thân tại bích vân trung.*

Dịch nghĩa:

*Núi Yên sơn trên đỉnh núi rất cao
Đầu canh năm đã thấy mặt trời rồi
Tầm mắt trông suốt ra đến ngoài biển
Cười nói mình đứng trong quăng mây xanh.*

Núi Yên Tử đã cao, tác giả lại đứng trên đỉnh núi nên cái cao ấy giúp cho nhà thơ *Diểu vọng mục cùng thương hải ngoại/ Tiểu đàm thân tại bích vân trung*, thấy mình như đứng trên mây. Sự thanh cao của ý thơ, tình thơ là biện chứng của cảnh vật mênh mông, cao khiết của Yên Tử. Ở phương diện này thì thơ cũng chính là sự thể hiện cốt cách của con người. Trong *Nam Sơn tùng thoại*, khi có người hỏi: “Văn và con người?”, Nguyễn Đức Đạt trả lời rằng: “Văn như con người của nó. Văn thâm hậu thì con người nó cũng trầm mà tĩnh; văn ôn nhu thì con người của nó khiêm tốn mà hòa; văn cao khiết thì con người của nó đạm mà giản; văn hùng hồn thì con người của nó cương mà nhanh; văn uyên sâu thì con người của nó thuần túy mà đứng đắn” (Phương, 2002). Đây là câu nói điển giải khá chi tiết về vấn đề nhìn văn thì biết người. Tương ứng với mỗi chất văn là một chất người. Đây là phương diện từ *văn* mà suy ra *người*, nhìn *văn* thì biết *người*.

Ở phương diện ngược lại: nhìn *người* biết *văn*, trong bài tựa bộ sách *Ngô gia văn phái*, Phan Huy Ích khái quát về chất người - chất văn của các tác giả họ Ngô. Đối với tác giả Ngô Thì Sĩ, ông viết: “Đến tiên nhạc (từ chỉ cha vợ khi đã qua đời) ta là cụ Ngô Phong (Ngô Thì Sĩ) được núi sông chung đúc, đã hiểu thấu khí bao la của trời đất, nắm được phần tinh hoa của sách vở. Cái phong cách về mặt hào phóng, hùng hồn, cái điển hình về mặt tinh vi, uyên bác, thường biểu hiện nhan nhản trong tác phẩm. Nó mênh mông như khói xa biển cả, chói lọi như mặt trời tinh tú; về thần kỳ dưới ngòi bút thật siêu việt cả xưa nay, các sĩ phu bàn đến văn chương đều coi là bậc hùng bá” (Phan, Nguyễn, Vũ và Trần, 2007). Con người hiểu đạo thì văn phong đứng đắn, con người “trên thông thiên văn dưới tường địa lí” thì văn phong sâu rộng... Con người trầm tĩnh thì thường suy nghĩ nhiều, tư duy sâu nên viết văn có chiều sâu. Người khiêm tốn, ôn hòa thì văn sẽ “hiền lành”, ít cao giọng hay “đao to búa lớn”. Người đạm bạc, giản dị thì thể hiện qua lối văn cao thượng và trong sạch. Cao thượng trong tâm hồn và thanh sạch trong lối sống. Người nghiêm túc,

đúng đắn thường suy nghĩ kỹ trước khi nói hoặc viết nên sản phẩm của nó vừa đúng, vừa sâu sắc. Trong bài *Cuộc nói chuyện thơ ở Kim Hoa*, Nguyễn Dữ xem thơ như phong thái, dáng vẻ của con người: “Thơ ông Tùng Xuyên như chàng trai xung trận, thơ ông Cúc Pha như cô gái chơi xuân, có vẻ mềm yếu” (Phuong, 2002). Với lối so sánh cụ thể, ta thấy rõ văn cách - phong cách của từng người. Thơ ông Tùng Xuyên thì hùng hồn, mạnh mẽ; thơ ông Cúc Pha thì nhẹ nhàng, êm ái. Điều đó là do khí chất khác nhau của hai người thể hiện qua văn bản ngôn từ. Nguyễn Địch Cát cũng nói tương tự. Ông nhấn mạnh chất người như thế nào thì chất văn như thế ấy, cho nên xem văn thì sẽ biết người: “Người nào trội về nhân cách thì làm thơ hay trang nhã, người nào trội về khí phách thì làm thơ hay hùng hồn, người nào giỏi về dùng chữ đặt câu thì làm thơ hay hoa mỹ... Xem thơ thì có thể mừng tượng mà thấy được người” (Phuong 2002). Chúng ta có thể thấy được sự trang nhã trong thơ Nguyễn Bình Khiêm, Nguyễn Khuyến; sự hùng hồn trong thơ Nguyễn Trãi, Cao Bá Quát; sự giỏi dùng chữ đặt câu trong thơ Nguyễn Du, Phạm Thái... Nhìn chung, không khó để nhận ra phẩm chất của người thông qua phẩm chất của văn. Ý kiến của Nguyễn Địch Cát, Nguyễn Dữ có thể xem là sự bổ sung cụ thể hơn cho ý của Nguyễn Đức Đạt để làm phong phú hơn các kiểu người trong việc hình thành các kiểu văn. Lối tham chiếu này, Kim Nhân Thụy (đời Thanh- Trung Quốc) cũng phát biểu tương tự: “Nhất dạng nhân, tiện hoàn tha nhất dạng thuyết thoại” (Kiểu người nào thì có lời ăn tiếng nói của kiểu người đó) (Khâu, 2001). Rõ ràng, vấn đề *văn là người* là quan niệm chung, có tính nhân loại.

Nếu như các tác giả trên lấy dẫn chứng “văn là người” từ các tác giả trong nước, thì Nguyễn Văn Siêu nói về văn phong của một tác giả nổi tiếng của văn học Trung Quốc, đó là Đào Tiềm (Đào Uyên Minh): “Tôi thấy từ xưa tới nay các nhà mô phỏng họ Đào nhiều lắm, dù cho họ có cái *hành tích* của ông, nhưng cũng không sao giống được. Vì con người họ Đào rất chân chính, tài lại cao, ý lại xa, cho nên thơ văn của ông không gò ép, mới nhìn hầu như đơn giản, chất phác, đạm bạc, nhưng bên trong lại chứa đựng thư thái hào hùng, phong độ kỳ diệu, muốn khơi dậy ý chí của con người, cho nên người ta chỉ phỏng theo cái vỏ của họ Đào mà thôi” (Phan, Nguyễn, Vũ và Trần, 2007). Nói như thuyết hiện sinh, mỗi người là một nhân vị, nhân vị này được hình thành từ đặc điểm tâm lí, khí chất, tư tưởng, tri thức, văn hoá... tất cả điều đó làm nên phong cách, tầm vóc của mỗi người; cho nên người khác có “làm theo” cũng chỉ được về mặt hình thức, mà như thế họ chỉ là cái bóng mờ nhạt, thậm chí méo mó của người đi trước. Văn chương của Đào Tiềm là sự “thoát ra” của khí chất Đào Tiềm.

Trên tinh thần văn chương là sự thể hiện khí chất con người, trong bộ *Lịch triều hiến chương loại chí*, Phan Huy Chú khái quát chất văn của những văn nhân nổi tiếng trong lịch sử nước nhà: “Trần Thái Tông thì “lời thơ thanh nhã”; Trần Quang Khải thì “lời thơ thánh thoát, nhàn nhã, xem thơ có thể thấy tướng mạo, phong thái của người”; Trần Nguyên Đán thì “đại khái và cảm khái thế sự, thân tuy ần nhưng lòng không quên việc nước”; Chu Văn An thì “lời thơ thanh nhàn, có thể trông thấy ở thú thanh tao của người ở ẩn”; Huyền Quang thì “lời phóng khoáng, câu xinh đẹp, so với tác phẩm của đế vương xưa, chưa ai có thể theo kịp”; Nguyễn Bảo thì “lời thơ giản dị trung hậu, có khí cốt”; Nguyễn Bình Khiêm thì “rong chơi nhàn nhã hơn bốn mươi năm mà không ngày nào quên đời, lòng lo đời, thương đời thể hiện ra văn thơ; Phùng Khắc Khoan thì “lời thơ trong trẻo dồi dào, khí phách hùng hồn”; Lê Quý Đôn thì “lời thơ hồn nhiên thiên thành, không cần suy nghĩ, trôi chảy ào ào, như sông dài biển rộng, không chỗ nào là không đạt đến”; Nguyễn Thiếp “thơ đều tao nhã, thánh thoát, lí thú, thung dung, thực là lời nói của kẻ có đức” v.v...” (Nguyễn, Trần, Huyền, và nnk, 1997). Đây chính là bản tổng kết đặc trưng thơ/ phong cách văn chương của các tác giả trung đại mà Phan Huy Chú đi từ tác phẩm để nói đến bản chất người của họ, hoặc từ bản chất người mà ngắm đến văn chương.

Vấn đề văn là người ít thấy bàn đến trong giai đoạn nửa đầu thời kỳ trung đại ở Việt Nam. Nó chỉ thực sự được chú trọng từ thế kỉ XVIII trở về sau, khi mà con người cá nhân bắt đầu trở lên khá mạnh mẽ qua các sáng tác của Nguyễn Du, Hồ Xuân Hương, Phạm Thái, Cao Bá Quát, Nguyễn Bình Khiêm... Ý thức cá nhân ấy thể hiện không chỉ qua sáng tác mà qua cả các lời nói

trực tiếp. Văn nhân trung đại khẳng định, sáng tác văn chương mà không có cá tính thì không thể để lại dấu ấn trong lòng người đọc. Chính cá tính ấy mới làm nên phong cách, tạo nên chất riêng trong văn phong của mỗi người. Sáng tác văn chương mà không có văn phong/ phong cách thì không thể tồn tại trong trí nhớ của độc giả. Nếu dùng lí luận hiện đại để soi chiếu thì chúng ta thấy mệnh đề “văn là người” của lí luận trung đại cũng không khác gì nhiều. Rất nhiều nhà lí luận hiện đại khẳng định, sáng tác văn chương phải hướng đến sáng tạo cái mới, phải để lại dấu ấn cá nhân trên trang văn. Nhà nghiên cứu Nguyễn Văn Trung nói: “Một người sáng tác đích thực, một nhà văn thực sự bao giờ cũng tìm đến nguồn suối sống động là kinh nghiệm của đời mình. Mà kinh nghiệm sống thực bao giờ cũng cũng là độc đáo, riêng tư, do đó cũng cần được biểu hiện bằng những hình thức diễn tả đặc biệt riêng tư, như thể trước đó chưa bao giờ có và chưa bao giờ thấy. Nói cách khác, nhà văn cần tự tạo ra những hình ảnh mới, những chữ mới, những bố cục mới để phản ánh cái mình cảm thấy thực, ý mình nghĩ thực không vay mượn bất cứ thứ gì. Sự tiếp xúc cần thiết với người khác chỉ có ý nghĩa tạo dịp cho mình tìm ra con đường của mình, lối nhìn của mình, khác của người” (Nguyễn, 2018). Như vậy, mỗi nhà văn phải tạo ra từ ngữ mới, hình tượng mới, kết cấu mới... mới có phong cách, để lại dấu ấn của mình trong lòng người đọc. Chỉ khi nào sáng tạo mới có được vị trí trên văn đàn, có được sự đóng góp cho một nền văn học. Và sự đóng góp ấy luôn hướng đến mục đích cao cả nhất là góp phần làm nhân đạo - nhân văn hóa con người.

Đến đây, vấn đề “văn là người” được mở rộng sang lĩnh vực văn học vì con người, hướng đến con người để đồng cảm, thương cảm, để cất lên tiếng nói nhân sinh và đích đến là vấn đề nhân bản - nhân văn - nhân đạo. Chúng ta thường nghe nói “nhân chi sơ tính bản thiện” (quan niệm Nho giáo của Mạnh Tử), lại cũng nghe nói “nhân chi sơ tính bản ác” (quan niệm Nho giáo của Tuân Tử). Phân tâm học của Freud thì thừa nhận cả hai. Dù ác hay thiện thì cũng cần đến giáo dục. Vì bản thiện mà không được trau dồi đạo đức thì cũng dễ bị tha hóa. Bản ác mà được luyện rèn thì cũng sẽ thành thiện lành. Bởi vậy, vai trò của giáo dục vô cùng lớn. Trong các hình thức giáo dục đạo đức cho con người, văn học là phương tiện quan trọng hàng đầu. Văn học vì con người, văn học làm nhân đạo hóa con người là đích đến của mọi nhà văn chân chính. Do điều kiện lịch sử xã hội Việt Nam thời trung đại qui định, chức năng giáo dục đạo đức (cơ bản là đạo đức Nho giáo) nổi lên hàng đầu trong sáng tác cũng như thưởng lãm văn chương. Người xưa hay dùng văn chương để răn dạy con em: “Tôi nghe nói rằng thơ có thể nói chí của mình, như Hậu Quý (nhân vật huyền thoại, tương truyền giữ chức quan coi nhạc trong triều đình Ngụ Thuần ở thời thượng cổ bên Trung Quốc) xưa lấy thơ ca thanh luật dạy con em vua quan, để đi dưỡng tính tình cho được thẳng thắn mà ôn hoà, rộng rãi mà nghiêm nghị, cứng rắn mà không bạo ngược, giản dị mà không kiêu ngạo” (Khâu, 2001). Không chỉ dùng thơ ca để dạy con em vua quan, mà người bình dân thì dùng ca dao, tục ngữ, cổ tích...; người có học thì dùng tác phẩm thành văn để răn dạy con cháu. Điều này cho thấy mục đích sáng tác của văn nhân xưa nay, ngoài để giải trí, họ cũng hướng đến việc giáo dục để con người ngày càng đến gần với chân - thiện - mỹ; để cuộc sống ngày càng tốt đẹp, văn minh hơn.

4. Kết luận

Di sản tinh thần của tiền nhân là vốn văn hóa quý báu trong việc làm nên bản sắc dân tộc. Di sản ấy, có thể nói, được kết tinh trong thành tựu văn chương phong phú và đa dạng. Gia tài tác phẩm văn chương chương dân gian và văn chương thành văn thời kỳ trung đại là một kho báu, vì nó là nền tảng của tinh thần dân tộc. Nó cũng là gốc rễ vững chãi để văn chương hiện đại đâm chồi nảy lộc. Về phương diện lí thuyết văn chương cũng vậy.

Quan niệm về lí thuyết văn chương nói chung, đặc biệt là quan niệm “văn là người” không chỉ tác động đến nhà văn hậu thế mà còn cả đến con người nói chung. Đối với nhà văn, nó thôi thúc người cầm bút nỗ lực hoàn thiện nhân cách và tích cực học tập để có được tri thức phong phú, vì đó là điều kiện căn cốt để có được tiếng nói riêng, tức là tạo được phong cách. Khi có được phong

cách thì anh không thể lặp lại người khác, không thể hạ thấp mình để có được danh lợi..., nghĩa là trở thành nhà văn chân chính. Khi ấy, nhà văn mới có sự đóng góp cho nền văn học nước nhà, cho sự tiến bộ của dân tộc, xa hơn là sự tốt đẹp của nhân loại. Đối với mỗi cá nhân, “văn là người” cũng tác động đến ý thức nhân vị. Khi có được điều đó, người ta sẽ nỗ lực để khẳng định vị thế của con người mình. Và sự vươn lên của mỗi cá nhân làm nên sự vươn lên của cộng đồng, dân tộc. Nhưng quan trọng nhất là sự hoàn thiện nhân cách cùng với lối sống nhân văn.

Ghi chú về tác giả: TS Đặng Văn Vũ là giảng viên tại Khoa Sư phạm Khoa học xã hội và Nghệ thuật, Trường Đại học Sài Gòn, Việt Nam.

Tuyên bố về lợi ích: Tác giả tuyên bố không có xung đột về lợi ích.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Khâu, C.T. (2001). *Lí luận văn học nghệ thuật cổ điển Trung Quốc*. NXB Văn học, Hà Nội.
- Lê, V. T. (2020). Tư tưởng hành đạo trong thơ chữ Hán của Đoàn Nguyễn Tuấn. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm Hà Nội*, số 65 (8), tr. 68-77.
- Lê, S. Đ. (2023). Ảnh hưởng nhân sinh quan Phật giáo trong sáng tác thơ chữ Hán của các nhà Nho Việt Nam thế kỉ XVIII đến đầu thế kỉ XIX. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm Hà Nội*, số 68 (2), tr. 129-139.
- Nguyễn, H.S, Trần, Đ.S, Huyền, G., Trần, N.V, Trần, N.T, Đoàn, T.T.V. (1997). *Về con người cá nhân trong văn học cổ Việt Nam*. NXB Giáo dục, Hà Nội.
- Nguyễn, M. T, chủ biên, (1981). *Từ trong di sản*. NXB Tác phẩm mới, Hà Nội.
- Nguyễn, T. T. (2020). Thi ngôn chí” và truyền thống văn học nghệ thuật Đông Á. Nguồn <https://nguvan.hnue.edu.vn/>. Truy cập ngày 28/01/2026
- Nguyễn, V.T. (2018). *Lược khảo văn học, tập I*. NXB Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh, Hồ Chí Minh.
- Phan, T.T, Nguyễn, C, Vũ, Trần, N.T (tuyển chọn). (2007). *10 thế kỉ bàn luận về văn chương*. NXB Giáo dục, Hà Nội.
- Phuong, L. (2002). *Góp phần xác lập hệ thống quan niệm văn học*. NXB Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
- Tạ, T.T. (2020). Một số biểu tượng nghệ thuật thể hiện tư tưởng thị tài trong thơ – phú trung đại Việt Nam. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm Hà Nội*, số 65 (8), tr. 86-97.
- Trần, Đ.S. (2005). *Thi pháp văn học trung đại Việt Nam*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
- Trần, Đ.H. (1999). *Nho giáo và văn học Việt Nam trung cận đại*. NXB Giáo dục, Hà Nội.
- Thụy, K. (2018). *Phê bình văn học thế kỉ XX*. NXB Hội Nhà văn, Hà Nội.
- Wellek, R và Warren, A. (2009). *Lí luận văn học*. NXB Văn học, Hà Nội.